TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS - PT
Ngày 23 - 01 - 2024
"V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Nguyễn Xuân Trọng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS – ST Ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Kim Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 27, ngõ 42, đường Nguyễn DP, tổ dân phố H, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

***2. Bị đơn*:** Ông Kim Văn H1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 30, ngõ 4, đường QT, tổ dân phố T, phường HH, thành Phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 30, ngõ 4, đường QT, tổ dân phố T, phường HH, thành Phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Kim Thị B, sinh năm 1958; Địa chỉ: số 4, đường HV, tổ dân phố QT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 4, đường HV, tổ dân phố QT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.2. Bà Kim Thị L, sinh năm 1966; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: Chùa LP, thôn HT, xã KX, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

3.3. Ông Kim Văn H2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 31, ngõ 4, đường QT, tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông H2: Bà Kim Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 27, ngõ 42, đường Nguyễn DP, tổ dân phố H, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.4. Bà Kim Thị D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 31, ngõ 4, đường QT, tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.5. Bà Kim Thị Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 12, ngõ 11, tổ dân phố Y, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thịnh: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974, (vắng mặt).

3.6. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 30, ngõ 4, đường QT, tổ dân phố T, phường HH, thành Phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Kim Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Kim Thị H và là người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị L, ông Kim Văn H2 trình bày:

Bố bà là cụ Kim Văn B chết ngày 03/5/2004, mẹ bà là cụ Phan Thị C chết ngày 11/9/2016. Cụ C, Cụ B kết hôn và sinh được 08 người con gồm: Bà Kim Thị B, bà Kim Thị Th, bà Kim Thị L, ông Kim Văn H1, bà Kim Thị H3 (đã chết năm 1999, khi chết không có chồng con), ông Kim Văn H2, bà Kim Thị D và bà là Kim Thị H. Ngoài những người con đẻ trên bố mẹ bà không có con chung, con riêng nào khác. Bố đẻ của Cụ B là cụ Kim Văn K và cụ Nguyễn Thị Th1 đều đã chết từ lâu trên 30 năm; Bố mẹ Cụ C là cụ Phan Văn Th2, chết năm 1949 và cụ Nguyễn Thị V, chết năm 1961. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ bà gồm 07 người con đẻ còn sống.

Khi còn sống bố mẹ bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 diện tích 332m^2; địa chỉ: Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY), tỉnh Vĩnh Phúc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/1999 cấp cho hộ ông Kim Văn B. Các tài sản trên đất hiện tại gồm có: 01 gian nhà cấp 4 xây năm 1973 diện tích 24,5m^2; 01 gian bếp xây năm 1974 diện tích 7,0m^2 do bố mẹ bà xây; 01 dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) có 06 phòng xây năm 2010 có tổng diện tích là 57,0m^2; 01 nhà vệ sinh liền với dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) xây năm 2013 có diện tích là 5,0m^2; 01

nhà vệ sinh xây năm 2010 (giáp bếp) diện tích 5,0m^2; 01 nhà 02 tầng khung cứng xây tường gạch đang xây chưa hoàn thiện có tổng diện tích là 250m^2, diện tích tầng 1 là 125m^2, diện tích tầng 2 là 125m^2 do vợ chồng ông H1, bà Y xây từ đầu năm 2023. Về nguồn gốc thửa đất là: Là do bố mẹ bà mua từ những năm 1960. Trước khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc phân chia tài sản trên cho bất cứ ai. Do vậy, bà xác định quyền sử dụng đất trên là di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại.

Khi còn sống bố mẹ bà ở trên thửa đất đang tranh chấp. Sau khi bố bà chết thì mẹ bà sống cùng vợ chồng ông H1, từ năm 2013 đến năm 2015 mẹ bà bắt đầu bị bệnh tuổi già, phải nằm một chỗ nhưng vợ chồng ông H1 không chăm sóc nên chị em bà đã đón mẹ sang nhà ông Kim Văn H2 là con trai thứ để chăm sóc. Đến khi mẹ bà chết vào năm 2016 thì chị em bà làm ma tại nhà ông H2. Về nghĩa vụ làm ma cho bố mẹ bà, các anh chị em đều có nghĩa vụ đóng góp tiền để làm ma nên về số tiền làm ma cho mẹ bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi bố mẹ bà chết bản thân ông H1 là con trai trưởng nhưng không có trách nhiệm cúng giỗ bố mẹ. Do anh chị em trong gia đình xảy ra mâu thuẫn nên ông H1 không cho chị em bà vào nhà thắp hương cho bố mẹ, hiện tại bố mẹ bà không có chỗ thờ cúng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40, diện tích 332m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 132m^2 đất vườn; địa chỉ: Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc). Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất là 334,4m^2, tăng hơn so với diện tích đất được cấp là 2,4m^2. Hiện tại thửa đất đã được phân định ranh giới với các hộ liền kề và đường ngõ đi chung bằng tường nhà và tường bao loan, không có tranh chấp và xây trồng lấn ra đất công nên theo bà thì diện tích tăng hơn này là do quá trình đo đạc trước đây có sự sai lệch. Đề nghị xác định diện tích đất tăng hơn này là di sản thừa kế của bố mẹ bà. Về tài sản trên đất bà không đề nghị chia, nếu ai được chia phần đất nào thì bên đó được sử dụng toàn bộ các tài sản có trên đất được chia và không phải thanh toán giá trị chênh lệch về giá trị tài sản trên đất cho bên kia.

Quá trình giải quyết vụ án ông H2, bà B, bà L đã có ý kiến đồng ý cho bà toàn bộ di sản thừa kế mà các ông bà được hưởng của bố mẹ, bà đồng ý với ý kiến trên và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà B, ông H2, bà L cho toàn bộ di sản thừa kế của mình được hưởng cho bà, bà đề nghị được chia bằng đất để chị em bà xây nhà thờ cúng bố mẹ. Về nghĩa vụ án phí của ông H2, bà L phải chịu trên phần di sản thừa kế được chia bà xin chịu toàn bộ. Còn bà B đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi, nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Kim Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị Th và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà thừa nhận về thời điểm chết, về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Kim Văn B và cụ Phan Thị C như lời trình bày của bà Kim Thị H ở trên là đúng.

Ông Kim Văn H1 là con trai trưởng trong gia đình. Ông H1 kết hôn với bà vào năm 2007, ngay sau khi kết hôn vợ chồng bà ở cùng nhà với cụ Phan Thị C (thời điểm đó Cụ B đã chết) tại thửa đất 72, tờ bản đồ số 40; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY. Về nguồn gốc đất bà thừa nhận là của Cụ B và cụ Cầu.

Các tài sản trên đất tại thời điểm tranh chấp bà thừa nhận có: 01 gian nhà cấp 4 xây năm 1973 diện tích 24,5m^2; 01 gian bếp xây năm 1974 diện tích 7,0m^2 do bố mẹ chồng bà xây; 01 dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) có 06 phòng xây năm 2010 có tổng diện tích là 57,0m^2 gồm cả nhà vệ sinh phía trước cổng; 01 nhà vệ sinh liền với dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) xây năm 2013 có diện tích là 5,0m; 01 nhà vệ sinh xây năm 2010 (giáp bếp) diện tích 5,0m^2; 01 nhà 02 tầng khung cứng xây tường gạch dang xây dở tổng diện tích là 250m^2, diện tích tầng 1 là 125m^2, diện tích tầng 2 là 125m^2 do vợ chồng bà xây. Ngoài ra, quá tình ở trên đất vợ chồng bà có đổ đất để tôn nền từ năm 2010 cho bằng phẳng như hiện nay, số tiền đổ đất khoảng 40.000.000 đồng. Bà đề nghị Hội đồng xét xử khi giải quyết phân chia di sản thừa kế thì xem xét cho vợ chồng bà đối với số tiền trên sau khi trừ đi số tiền trên vào di sản thừa kế của Cụ B, Cụ C mới chia di sản thừa kế cho các hàng thừa kế, bà đề nghị được tính bằng đất. Bà đồng ý cho phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất của bà được hưởng cho ông H1, không yêu cầu ông H1 phải thanh toán tiền công sức cho bà. Bà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện trên của bà cho ông H1.

Từ khi bà kết hôn với ông H1 năm 2007 thì mẹ chồng ở cùng vợ chồng bà. Đến năm 2013 mẹ chồng bà do bị ốm nặng phải nằm một chỗ, thời gian đó vợ chồng bà vẫn chăm sóc mẹ. Tuy nhiên, không hiểu lý do tại sao đến năm 2015 Bà H3 cùng một số người con khác đến tự ý đưa mẹ bà đi bệnh viện, sau khi mẹ chồng bà ra viện thì đưa về nhà ông Kim Văn H2 là con trai thứ ở. Đến năm 2016 Cụ C chết, vợ chồng bà có sang nói chuyện để xin đưa mẹ chồng về làm ma bên đất, nhà của bố mẹ chồng nhưng Bà H3 cùng các chị em khác không đồng ý. Do vậy, việc làm ma của Cụ C do ông H2 là con trai thứ đứng ra làm. Khi làm ma vợ chồng bà có đóng góp tiền nhưng sau khi xong việc do tiền lễ phúng viếng của anh em, họ hàng đủ nên các con không ai phải đóng góp, vợ chồng bà đã được trả lại tiền. Bà không có đề nghị gì đối với tiền làm ma cho Cụ C.

Khi Cụ C còn sống có từng nói miệng cho ông H1 là con trai trưởng ở trên thửa đất này, còn ông H2 là con trai thứ trước đây đã được bố mẹ mua cho thửa đất bên cạnh từ năm 2000 và đã được sang tên cho ông H2 từ năm 2003. Tuy nhiên, việc Cụ C cho ông H1 chồng bà chỉ tuyên bố cho bằng miệng nên bà xác định đây vẫn là tài sản của Cụ B và Cụ C. Từ ngày ở trên đất thì hàng năm vợ chồng bà là

người nộp thuế nhà đất đối với thửa đất trên. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là chỗ ở duy nhất của vợ chồng bà. Do vậy, bà đề nghị chia di sản thừa kế của Cụ B và Cụ C theo quy định của pháp luật, chia cho ông Kim Văn H1 chồng bà được hưởng toàn bộ di sản bằng đất. Vợ chồng bà đồng ý thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho các hàng thừa kế khác bằng suất thửa kế của họ được hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Thịnh đã có ý kiến đồng ý toàn bộ di sản thừa kế bà Thịnh được hưởng cho ông H1 và không yêu cầu ông H1 thanh Toán tiền bằng suất thừa kế bà Thịnh được hưởng. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà Thịnh cho toàn bộ di sản thừa kế của mình được hưởng cho ông H1. Ngoài ra, bà D có ý kiến đồng ý cho ông H1 được nhận di sản bằng hiện vật đối với phần di sản bà D được hưởng và ông H1 có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà D bằng suất thừa kế bà D được hưởng, bà hoàn toàn nhất trí. Về nghĩa vụ án phí của bà Thịnh, bà Thịnh đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà Thịnh được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cua pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị B là ông Phạm Văn Q trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của bà Kim Thị H về thời điểm Cụ B và Cụ C chết, về di sản thừa kế, hàng thừa kế, các tài sản trên đất và hình thức chia. Đối với phần di sản bà B vợ ông được hưởng ông đồng ý theo ý kiến của bà B, cho toàn bộ Bà H3 và Bà H3 không phải thanh toán cho bà B tiền bằng suất thừa kế bà B được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị D trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của bà Kim Thị H về thời điểm bố mẹ bà chết, về di sản thừa kế, hàng thừa kế và các tài sản trên đất. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà H3 chia di sản thừa kế theo pháp luật của bố mẹ bà để lại. Phần di sản bà được hưởng bà đồng ý để cho ông H1 được hưởng bằng đất đối với phần di sản thừa kế của bà, ông H1 thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho bà.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Căn cứ các Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 617; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 144 và Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Kim Thị H đối với di sản thừa kế của cụ Kim Văn B và cụ Phan Thị C để lại là quyền sử dụng đất có diện tích đất là 334,4m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 134,4m^2 đất vườn tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD,

huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Kim Văn B ngày 11/8/1999.

2. Chia di sản thừa kế theo theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Kim Văn B và cụ Phan Thị C cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà Kim Thị H được sử dụng diện tích đất là 122,2m^2 trong đó có 60m^2 đất ở và 62,2m^2 đất vườn tại thửa số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc), được giới hạn bởi các điểm 2-3 = 5,10; 3-4 = 4,57m; 4-5 = 19,77m; 5-6 = 5,10m; 6-2 = 24,85m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà trọ cấp 4; 01 nhà vệ sinh; 01 gian nhà cấp 4 cũ và toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất được chia.

2.2. Chia cho ông Kim Văn H1 được sử dụng diện tích đất là 212.2m^2 trong đó có 140m^2 đất ở và 72,2m^2 đất vườn tại thửa số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) được giới hạn bởi các mốc 1,2,6,7,8,9,10,11,1 cụ thể: 1-2 = 10,15m; 2-6 = 24,85m; 6-7 = 4,06m; 7-8 = 9,76m; 8- 9 = 4,86m; 9-10 = 1,43m; 10 – 11 = 15,42m; 11-1 = 0,27m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 gian bếp; 01 nhà vệ sinh nằm trên phần đất được chia và toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc có trên đất. Vợ chồng ông H1, bà Y được sở hữu 01 nhà 02 tầng đang xây có tổng diện tích là 250m^2, trong đó diện tích sàn tầng 1 là 125m^2, diện tích sàn tầng 2 là 125m^2 trên đất ông H1 được chia.

(Có sơ đồ hiện trạng do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đo đạc bản đồ CDP thực hiện việc đo vẽ kèm theo bản án).

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị B, bà Kim Thị L và ông Kim Văn H2 tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Kim Thị H. Bà H3 không phải thanh toán giá trị về di sản thừa kế cho bà B, bà L và ông H2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị Th tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Kim Văn H1. Ông H1 không phải thanh toán giá trị về di sản thừa kế cho cho bà Thịnh.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất của bà Y được hưởng cho ông H1, ông H1 không phải thanh toán giá trị công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất cho bà Y.

2.4. Buộc ông Kim Văn H1 phải thanh toán cho bà Kim Thị H số tiền là 424.125.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); thanh toán cho bà Kim Thị D số tiền là 304.571.000 đồng (Ba trăm linh bốn triệu, năm trăm bảy mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 ông Kim Văn H1 kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị được sử dụng toàn bộ diện tích đất là di sản của bố mẹ ông để lại và thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Kim Văn H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Kim Văn H1 làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Kim Văn H1 thấy rằng: Cụ Kim Văn B và cụ Phan Văn C có 08 người con gồm: Bà Kim Thị B, bà Kim Thị Th, bà Kim Thị L, ông Kim Văn H1, bà Kim Thị H3 (đã chết năm 1999, khi chết không có chồng con), ông Kim Văn H2, bà Kim Thị D và bà Kim Thị H. Khi còn sống các cụ có tạo lập được thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 diện tích 332m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 122m^2 đất vườn ở Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc). Đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/1999 mang tên hộ ông Kim Văn B. Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất là 334,4m^2, tăng hơn so với diện tích đất được cấp là 2,4m^2, tuy nhiên thửa đất đã được phân định ranh giới với các hộ liền kề và đường ngõ đi chung bằng tường nhà và tường bao loan, không có tranh chấp và xây chồng lấn ra đất công nên được xác định diện tích tăng do quá trình đo đạc trước đây không chính xác.

Cụ Kim Văn B chết ngày 03/5/2004, cụ Phan Thị C chết ngày 11/9/2016. Ngày 01 tháng 3 năm 2023 bà Kim Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ B và Cụ C nên Toà án cấp sơ thẩm đã xác định thời hiệu khởi kiện, diện, hàng thừa kế và di sản thừa kế của các cụ để lại là 334,4m^2 trị giá 2.173.600.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các đương sự đồng ý thanh toán cho ông H1, bà Y tiền tôn tạo, đổ nền đất là 40.000.000 đồng, số tiền này sẽ được tính tương đương với 6,4m^2 đất. Bà Y cũng tự nguyện cho phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất của bà được hưởng cho ông H1, không yêu cầu ông H1 phải

thanh toán giá trị công sức cho bà nên được cấp sơ thẩm chấp nhận. Do vậy di sản thừa kế của Cụ B và Cụ C còn lại là 328m^2 sẽ chia cho 07 người do bà Kim Thị H3 đã chết năm 1999, khi chết không có chồng con.

Cụ thể di sản còn lại 328m^2 x 6.500.000 đồng = 2.132.000.000 đồng. Nếu chia bằng đất cho 7 người mỗi người được 46,85m^2. Nếu tính bằng tiền mỗi người được hưởng trị giá 304.571.428 đồng (làm tròn thành 304.571.000 đồng). Bà B, bà L và ông H2 đồng ý tặng kỷ phần mình được hưởng cho Bà H3, nên Bà H3 được nhận 04 kỷ phần tương đương với số tiền là 1.218.284.000 đồng. Bà Thịnh đồng ý tặng kỷ phần của mình được hưởng cho ông H1 nên ông H1 được hưởng 02 kỷ phần tương đương với số tiền là 609.142.000 đồng. Bà Kim Thị D đồng ý để ông H1 được nhận kỷ phần bằng hiện vật của bà D được chia, ông H1 phải thanh toán cho bà D giá trị bằng tiền tương ứng với suất di sản bằng hiện vật bà D được hưởng.

Về tài sản trên đất và giá trị tài sản trên đất gồm: 01 dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) có 06 phòng xây năm 2010 có tổng diện tích là 57,0m^2 (gồm cả nhà vệ sinh phía giáp cổng); 01 nhà vệ sinh liền với dãy nhà cấp 4 (nhà trọ) xây năm 2013 có diện tích là 5,0m^2; 01 gian nhà cấp 4 xây năm 1973 diện tích 24,5m^2; 01 gian bếp xây năm 1974 diện tích 7,0m^2; 01 nhà vệ sinh xây năm 2010 (giáp bếp) diện tích 5,0m^2: đều có giá trị 0 đồng do đã hết khấu hao; 01 nhà 02 tầng khung cứng xây tường gạch đang xây dở tổng diện tích là 250m^2, diện tích tầng 1 là 125m^2, diện tích tầng 2 là 125m^2: Có giá là 750.000.000 đồng.

Cấp sơ thẩm đã xem xét ý kiến của nguyên đơn về việc có nguyện vọng xin được chia bằng đất, tài sản trên đất ai được giao phần đất nào người đó được sử dụng tài sản trên đất không phải thanh toán giá trị tài sản. Hiện nay vợ chồng ông H1 đang xây nhà 02 tầng trên một phần đất đang tranh chấp nên nguyên đơn đồng ý để cho vợ chồng ông H1 tiếp tục sử dụng đúng với phần đất đã xây nhà 02 tầng. Do vậy cấp sơ thẩm đã chia cho nguyên đơn phần đất còn lại không có nhà 02 tầng, ông H1 phải thanh toán tiền cho bà đối với phần ông H1 sử dụng sang phần đất bà được chia. Vì vậy ông H1 được chia 212.2m^2, (trong đó có 140m^2 đất ở và 72,2m^2 đất vườn) trên đất có nhà 02 tầng ông H1 đã làm. Bà H3 được chia sử dụng diện tích đất bên phần có dãy nhà trọ, nhà cấp 4 cũ và nhà vệ sinh có diện tích là 122,2m^2.

Về nguyên tắc chia ông H1 chỉ được hưởng 03 kỷ phần bằng 140,55m^2 đất và 6,4m^2, tổng cộng là 146,95m^2. Bà H3 lẽ ra được hưởng 04 kỷ phần là 46,85m^2 x4 = 187,4m^2, ông H1 sử dụng sang phần Bà H3 được chia là 65,25m^2 nên ông H1 phải thanh toán cho Bà H3 là 65,25m^2 x 6.500.000đồng = 424.125.000 đồng. Đồng thời ông H1 phải thanh toán giá trị bằng tiền tương ứng với suất di sản bằng hiện vật bà D được hưởng là 304.571.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản trên đất: Bà H3 được sở hữu các tài sản trên phần đất mình được chia gồm: 01 dãy nhà trọ cấp bốn; 01 nhà vệ sinh và 01 gian nhà cấp 4 cũ. Ông

H1 được sử dụng 01 gian bếp, 01 nhà vệ sinh; Ông H1 và bà Y được sử dụng 01 nhà 02 tầng có tổng diện tích là 250m^2, diện tích tầng 1 là 125m^2, diện tích tầng 2 là 125m^2 đang xây bên phần đất ông H1 được chia. Các bên không phải thanh toán tiền về tài sản có trên phần đất mình được chia cho phía bên kia.

Nay ông H1 xin sử dụng toàn bộ đất và thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế với lý do các đồng thừa kế khác đã có nơi ở ổn định, đất là nơi ở duy nhất của gia đình ông là không có căn cứ bởi lẽ khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự đã quy định " *Những người thừa kế có quyền yêu cầu chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận vật…".* Đồng thời phía nguyên đơn cũng xin được hưởng bằng đất cấp sơ thẩm đã chia cho nguyên đơn 122,2m^2, chia cho bị đơn 212.2m^2 là đã có lợi cho bị đơn do vậy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Kim Thị D không kháng cáo nhưng có đơn đề nghị được chia bằng đất để lấy chỗ ở tuy nhiên xét thấy phần đất đã chia cho ông H1 không thể cắt do có công trình trên đất mặt khác diện tích theo kỷ phần của bà D nhỏ, các đồng thừa kế khác không ai nhất trí nhường kỷ phần cho bà D nên không thể xem xét theo ý kiến của bà D mà cần buộc ông H1 thanh toán bằng tiền là phù hợp.

Ngoài ra tại phiên toà bà Y (người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn) đề nghị xem xét việc cấp sơ thẩm cho ông H1 hưởng tiền đổ đất, tôn nền tương đương 6,4m^2 là ít đồng thời không nhất trí với kết quả định giá tài sản là đất. Tuy nhiên cấp phúc thẩm xét thấy việc chia thừa kế cho ông H1 như trên là đã đảm bảo theo quy định của pháp luật, các tài sản trên đất của các cụ trước đây bị đơn sử dụng nhưng phía nguyên đơn cũng không yêu cầu gì, bà cho rằng việc định giá chưa phù hợp nhưng không có căn cứ gì chứng minh. Do vậy không chấp nhận ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Kim Văn H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ các Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 617; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 144 và Điều 147 và Điều

244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Kim Thị H đối với di sản thừa kế của cụ Kim Văn B và cụ Phan Thị C để lại là quyền sử dụng đất có diện tích đất là 334,4m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 134,4m^2 đất vườn tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Kim Văn B ngày 11/8/1999.

2. Chia di sản thừa kế theo theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Kim Văn B và cụ Phan Thị C cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà Kim Thị H được sử dụng diện tích đất là 122,2m^2 trong đó có 60m^2 đất ở và 62,2m^2 đất vườn tại thửa số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc), được giới hạn bởi các điểm 2-3 = 5,10; 3-4 = 4,57m; 4-5 = 19,77m; 5-6 = 5,10m; 6-2 = 24,85m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà trọ cấp 4; 01 nhà vệ sinh; 01 gian nhà cấp 4 cũ và toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất được chia.

2.2. Chia cho ông Kim Văn H1 được sử dụng diện tích đất là 212.2m^2 trong đó có 140m^2 đất ở và 72,2m^2 đất vườn tại thửa số 72, tờ bản đồ số 40 thuộc Xóm T, thị trấn TD, huyện TĐ cũ (nay là tổ dân phố T, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) được giới hạn bởi các mốc 1,2,6,7,8,9,10,11,1 cụ thể: 1-2 = 10,15m; 2-6 = 24,85m; 6-7 = 4,06m; 7-8 = 9,76m; 8- 9 = 4,86m; 9-10 = 1,43m; 10 – 11 = 15,42m; 11-1 = 0,27m và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 gian bếp; 01 nhà vệ sinh nằm trên phần đất được chia và toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc có trên đất. Vợ chồng ông H1, bà Y được sở hữu 01 nhà 02 tầng đang xây có tổng diện tích là 250m^2, trong đó diện tích sàn tầng 1 là 125m^2, diện tích sàn tầng 2 là 125m^2 trên đất ông H1 được chia.

(Có sơ đồ hiện trạng do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đo đạc bản đồ CDP thực hiện việc đo vẽ kèm theo bản án).

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị B, bà Kim Thị L và ông Kim Văn H2 tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Kim Thị H. Bà H3 không phải thanh toán giá trị về di sản thừa kế cho bà B, bà L và ông H2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị Th tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Kim Văn H1. Ông H1 không phải thanh toán giá trị về di sản thừa kế cho cho bà Thịnh.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất của bà Y được hưởng cho ông H1, ông H1 không phải thanh toán giá trị công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất cho bà Y.

2.4. Buộc ông Kim Văn H1 phải thanh toán cho bà Kim Thị H số tiền là 424.125.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); thanh toán cho bà Kim Thị D số tiền là 304.571.000 đồng (Ba trăm linh bốn triệu, năm trăm bảy mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Kim Thị H phải chịu số tiền án phí là 39.711. 000đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà H3 đã nộp là 2.846.000 đồng (Hai triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số: 0005075 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY. Bà H3 còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.865.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ông Kim Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.569.000 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001218 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Kim Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.529.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Kim Thị B và bà Kim Thị Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố VY;
- VKSND thành phố VY;
- Chi cục THADS Thành phố VY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thuý Mai